

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ NGŨ VĂN

MÔN NGŨ VĂN KHỐI 9

Văn bản:

ÁNH TRĂNG

Nguyễn Duy

I. Đọc, hiểu chú thích: (SGK/156)

1. Tác giả:

- Tên khai sinh: Nguyễn Duy Nhuệ sinh 07/12/ 1948, quê Thanh Hóa.
- Là nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

2. Tác phẩm:

- Xuất Xứ: Sáng tác năm 1978, in trong tập "Ánh trăng"
- Thể thơ: 5 chữ
- PTBD: Tự sự + Biểu cảm
- Bố cục: 3 phần

II. Đọc, hiểu văn bản:

1. Vàng trắng trong hoài niệm và nỗi nhớ: (2 khổ đầu)

- Hồi nhớ: sống với đồng, sông, bể
/ Điệp ngữ " với", liệt kê/

=> Vàng trắng gắn với những kỉ niệm đẹp, trong sáng thời thơ ấu nơi làng quê.

- Thời chiến tranh: (người lính) ở rừng
vàng trắng thành tri kỉ.

/ Nhân hóa, giọng thơ tự nhiên như lời kể/

-> Vàng trắng là người bạn thân thiết, hiểu nhau.

Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
...vàng trắng tình nghĩa.

/ so sánh, nhân hóa/

-> Tuổi thơ cho đến khi trưởng thành vàng trắng đẹp, gắn bó sâu nặng, thân thiết, tình nghĩa với con người.

=> Trăng là thiên nhiên, đất nước, người bạn bình dị, hiền hậu, tình nghĩa, trong sáng và thủy chung, là vẻ đẹp vĩnh hằng của đời sống.

2. Vàng trắng trong hiện tại: (khổ 3,4)

- Từ hồi về thành phố: quen ánh điện, cửa gương /hình ảnh tượng trưng/

-> cuộc sống hiện đại, đầy đủ tiện nghi

- vàng trắng... như người đứng qua đường

/ Nhân hoá, so sánh/

-> diễn tả thái độ thờ ơ, lạnh nhạt, xa lạ, không quen biết, không quan tâm của con người đối với trăng.

=> Cuộc sống hiện đại khiến con người dễ dàng quên những giá trị trong quá khứ.

Tình huống gặp lại trăng: Thành linh đèn điện tắt (mất điện)

phòng ...tối om

vội bật tung cửa sổ

đột ngột vầng trăng tròn.

/ động từ mạnh, từ láy, đảo trật tự từ, giọng thơ đột ngột cất cao/

-> cuộc gặp gỡ bất ngờ con người nhận ra sự vô tình của mình.

3. Cảm xúc và suy ngẫm của tác giả: (2 khổ cuối)

Ngửa mặt nhìn mặt /ẩn dụ / -> Tư thế người và trăng đối diện với nhau.

có cái gì rung rung /từ láy/ -> Cảm xúc dâng trào.

như là đồng, bể sông rừng /so sánh, điệp ngữ, liệt kê -> kỉ niệm ủa về.

trăng cứ tròn vành vạnh

kể chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giật mình

/ đối lập, nhân hóa, ẩn dụ/

-> sự thủy chung, bao dung của thiên nhiên, của quá khứ trước sự vô tình của con người. Nhưng chính sự im lặng ấy khiến nhân vật trữ tình ân hận nhận ra lỗi lầm của mình.

=> Gợi nhắc người đọc thái độ sống “ uống nước nhớ nguồn”

III. Ghi nhớ: (SGK- 157)

Văn bản: **KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ**
Nguyễn Khoa Điềm

I. Đọc, hiểu chú thích: (SGK/154)

1. Tác giả:

- Nguyễn Khoa Điềm sinh năm 1943 tại thành phố Huế, là nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

- Chất chính luận làm cho thơ ông vừa dạt dào cảm xúc, vừa lắng đọng suy nghĩ.

2. Tác phẩm:

- **Xuất xứ:** Bài thơ được sáng tác năm 1971, tại chiến khu miền Tây Thừa Thiên.

- **Thể thơ:** tự do (trữ tình)

- Bài thơ là lời hát ru, có 3 khúc hát ru. Mỗi khúc hát ru gồm 2 lời ru: lời của tác giả, lời ru của mẹ

- Lời ru của mẹ vừa có sự lặp lại, vừa có sự phát triển, xác thực và giàu tính biểu tượng.

II. Đọc, hiểu văn bản:

1. Hình ảnh người mẹ Tà Ôi:

- Mẹ địu con giã gạo nuôi bộ đội.
- Mẹ tĩa bắp ... (góp lương thực cho kháng chiến.)
- Mẹ chuyên lán, mẹ đi đập rừng (tham gia kháng chiến.)

-> **mẹ vừa địu con vừa làm việc.**

- *Lưng núi* thì to mà *lưng mẹ* nhỏ. / điệp ngữ, so sánh, hình ảnh tương phản/
=> **Gây ấn tượng về tình cảm, công việc vất vả, nặng nhọc và. Ý nghĩa công việc mẹ làm việc vì bộ đội, vì buôn làng, vì cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc.**

2. Tình cảm và những ước vọng bà mẹ Tà - Ôi:

- *Mẹ* giã gạo - *mơ* gạo trắng - *con* lớn khỏe mạnh “*vung chày lún sâu*”
- *Mẹ* tĩa bắp - *mơ* hạt bắp lên đều - *con* lớn giỏi giang “*phát mười Ka Lui*”.
- *Mẹ* chuyên lán, đập rừng - giành trận cuối - *mơ* thấy Bác Hồ, làm người tự do.

/Điệp ngữ, nói quá/

-> Mong con khôn lớn **có sức vóc phi thường**, khôn lớn về tinh thần, mang lí tưởng của cả dân tộc.

- *Mặt trời* của mẹ em nằm trên lưng. / **ẩn dụ** /

-> Con là mặt trời của mẹ là nguồn sáng, niềm tin, hạnh phúc, sự sống.v.v. của mẹ.

=> **Tình cảm, khát vọng của người mẹ ngày càng rộng lớn, hoà cùng cuộc kháng chiến gian khổ anh dũng của quê hương đất nước.**

<=> Người mẹ Tà Ôi bền bỉ quyết tâm trong lao động, chiến đấu. Người mẹ ấy yêu con thấm thiết và cũng nặng tình thương buôn làng, quê hương, bộ đội, khát khao đất nước được độc lập tự do.

III. Ghi nhớ: (SGK- 155)

TỔNG KẾT TỪ VỰNG (Luyện tập tổng hợp)

***Bài tập 1:** (SGK- 158)

Dùng từ “**gật đầu**” thích hợp hơn

-> **Tuy món ăn đơn sơ, đạm bạc nhưng đôi vợ chồng nghèo vẫn ăn rất ngon miệng vì họ biết chia sẻ niềm vui đơn sơ trong cuộc sống.**

***Bài tập 2:** (SGK- 158)

Người vợ không hiểu cách nói chuyên nghĩa (bằng phương thức hoán dụ).

" chỉ có một chân sút": Cách nói này có nghĩa là cả đội bóng chỉ có 1 người giỏi ghi bàn thôi.

***Bài tập 3:** (SGK- 158)

- **Miệng, chân, tay** được dùng theo **nghĩa gốc**

- **Vai (áo):** được dùng theo **nghĩa chuyển** theo **phương thức hoán dụ** (lấy bộ phận chỉ toàn thể)

- **Đầu (súng):** được dùng theo **nghĩa chuyển** theo **phương thức ẩn dụ** (so sánh ngầm với tinh thần chiến đấu trong sự lẫm mạp.)

***Bài tập 4:** (SGK-159)

- Đỏ, xanh, hồng -> **Trường từ vựng chỉ màu sắc**
- Lửa, cháy, tro -> **Trường từ vựng liên quan đến lửa**
- => 2 trường từ vựng cộng hưởng với nhau về ý nghĩa để tạo nên 1 hiện tượng về chiếc áo đỏ bao trùm cả không gian.

***Bài tập 5:** (SGK-159)

- Cách đặt tên: Dùng từ ngữ có sẵn để đặt tên với nội dung mới dựa vào đặc điểm của sự vật, hiện tượng được gọi tên(Rạch mái ngà, Kênh 3 khía,...)

VD: + Cà tím (Quả cà tím, màu tím hoặc nửa tím nửa trắng)

+ Cá kìm (cá biển có hàm dưới nhô ra, nhỏ và dài như cái kìm)

+ Chè móc câu (chè búp nhọn, cánh sắn, nhỏ và cong như hình cái móc câu)

+ Chim lợn (cú có tiếng kêu eng éc như lợn)

+ Ong ruồi (ong mật, nhỏ như ruồi)

***Bài tập 6:** (SGK 159 - 160)

Ông sính chữ đang trong tình thế nguy cấp vẫn bày trò phân biệt tiếng tây (đốc tờ), tiếng ta (bác sĩ) -> **Phê phán thói sính chữ không đúng lúc đúng chỗ.**

=> **Cần hiểu rõ nghĩa của từ để sử dụng đúng. Khi đã có từ Thuận Việt biểu đạt đúng sắc thái, tình cảm, ý nghĩa thì không cần dùng từ mượn.**

Văn bản:

LÀNG

Kim Lân

I. Đọc, hiểu chú thích: (SGK/171 ->173)

1. Tác giả: Kim Lân (1920-2007), tên thật Nguyễn Văn Tài, quê Bắc Ninh

- Là cây bút có sở trường về truyện ngắn.

- Am hiểu, gắn bó với nông thôn và người nông dân-> có những truyện ngắn đặc sắc về đề tài nông thôn.

2. Tác phẩm:

- **Xuất xứ:** Tác phẩm được sáng tác trong thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Pháp,

đăng trên báo văn nghệ năm 1948.

- **Thể loại:** truyện ngắn

- **PTBD:** Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.

- **Bố cục:** 3 phần

II. Đọc, hiểu văn bản:

1. Tình huống truyện:

Ông Hai tình cờ nghe được tin làng Chợ Dầu theo giặc-> Tình huống đặc sắc, bất ngờ, gay cấn.

=> **Đặt nhân vật vào tình huống thử thách bên trong để bộc lộ chiều sâu tâm trạng nhân vật thể hiện qua xung đột nội tâm. Tạo điều kiện bộc lộ tình cảm đối với làng, quê hương, đất nước của ông Hai.**

2. Diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai:

a. Trước khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc:

- Nhớ làng, nhớ phong trào kháng chiến ở làng, muốn về làng cùng anh em đào đường đắp ụ, xẻ hào, khuân đá.

- Vui sướng khi nghe được nhiều tin hay, những tin chiến thắng của quân ta.

-> **Yêu tha thiết, mãnh liệt, tự hào, gắn bó với làng quê.**

b. Khi nghe tin làng theo giặc:

- **Tâm trạng:** “*cổ ông lão nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân, giọng lạc hẳn đi.*”

-> **sửng sốt, bàng hoàng, đau đớn, bẽ bàng**

- **Cử chỉ, hành động:** Nói làng “*Hà, nằng góm, về nào...*”, “*Cúi gằm mặt xuống mà đi*”

/miêu tả cụ thể, tinh tế, sâu sắc / -> **nổi cay đắng, xấu hổ, tủi nhục, uất hận của ông Hai.**

- Về đến nhà, Ông nằm vật ra giường. Nhìn lũ con tủi thân, nước mắt giàn ra “*Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư... tuổi đầu ?*”

/độc thoại nội tâm/ -> **Thương con và xót xa, tủi hờn cho lũ trẻ.**

- Ông băn khoăn, kiểm diện từng người trụ lại làng, câu gắt với vợ.

- Trần trọc không ngủ, lặng đi, chân tay nhũn ra, tròng ngực đập thình thịch, nín thở, lắng tai nghe... nằm không nhúc nhích

-> **Ám ảnh, day dứt nặng nề.**

- Khi chủ nhà mời đi nơi khác “*Biết đem đi đâu... bây giờ?*”

- “*Hay là quay về làng*” - “*Về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ.*”

-> **Xung đột nội tâm gay gắt thể hiện sự bế tắc, tuyệt vọng, dằn vặt, khổ tâm**

- Quyết định: “*Không thể được! Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây... thì thù.*”

-> **Đặt tình yêu nước lên trên tình yêu làng.**

- Trò chuyện với con để giải bày nỗi lòng, giải tỏa tâm trạng đau đớn, tuyệt vọng.

“*Nhà ta ở đâu?... ủng hộ cụ Hồ con nhỉ.... Anh em đồng chí biết cho bố con ông. Cụ Hồ.... xét soi cho bố con ông*”

=> **Tình yêu sâu nặng đối với làng quê, tình cảm son sắt, thủy chung với kháng chiến, với cách mạng, với Cụ Hồ, đó là tình cảm thiêng liêng, bền vững.**

c. Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng được cải chính:

- **Nét mặt:** tươi vui, rạng rỡ hẳn lên.

- **Hành động:** chia quà cho con, lật đật đi khoe mọi người.

- **Lời nói:** Khẳng định thông tin làng không theo Tây, khoe nhà ông bị giặc đốt cháy.

-> **Tâm trạng nhẹ nhõm, vui sướng, hả hê đến tột đỉnh.**

=> **Tình yêu làng của ông Hai đồng thời là biểu hiện của tình yêu đối đất nước, với kháng chiến, với Bác Hồ.**

III. Ghi nhớ : (Sgk – 174)

IV. Luyện tập:

PHIẾU HỌC TẬP

Hoạt động 1: HƯỚNG DẪN ĐỌC VĂN BẢN

ÁNH TRĂNG (NGUYỄN DUY) – LÀNG (KIM LÂN)

1. Hãy cho biết ý nghĩa của những hình ảnh sau trong văn bản “Ánh trăng”

- “trăng cứ tròn vành vạnh”
- “ánh trăng im phăng phắc”
- “giật mình”

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Nêu những đặc điểm của nhân vật ông Hai trong văn bản “Làng”

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Hoạt động 2: THỰC HÀNH TẬP LÀM VĂN

Đóng vai nhân vật ông Hai kể lại văn bản “Làng” của Kim Lân. (Có sử dụng yếu tố miêu tả , biểu cảm, đối thoại, nghị luận...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....